

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày 30-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hồng Vũ;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;
 2. Ông Ksor Thí;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2022/QĐST-DS ngày 17 năm 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Số 266 – 268 N, phường V, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Bà Dương Thị Thùy D. Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát Rủi ro – S Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Số 38, N, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H; địa chỉ: Thôn T, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Bà H có mặt, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng) đã giải ngân cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H vay tiền các lần như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LD1901500330 ngày 15/01/2019 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1901500330 ngày 01/3/2021, Ngân hàng cho vay với số tiền 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay nhằm bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông sản. Thời hạn cho vay 12 tháng. Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn của 03 tháng đầu sau khi giải ngân là 10,8%/năm (Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ theo quyết định của Sacombank), lãi suất quá bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Trả lãi vào ngày 17 hàng tháng; nợ gốc trả vào cuối kỳ, ngày 21/01/2021.

- Ngày 08/12/2015, bà Trần Thị Minh H được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng, Bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí và lãi phát sinh là 248.030.532 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 186.191.688 đồng.

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của khoản vay của hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản thế hiện tại Hợp đồng thế chấp 25/2019/CN-GL ngày 17/01/2021 được ký giữa Ngân hàng với ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Thửa đất số 126, 138 thuộc tờ bản đồ số 33 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 680872 ngày 18/01/2002 cho ông Hoàng Minh T và bà Trần Thị D (đã chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H theo hồ sơ chuyển nhượng số 66/2017).

- Thửa đất số 268 thuộc tờ bản đồ số 33 tại làng O, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 208339 ngày 13/5/2013 cho ông Hoàng Minh T và bà Trần Thị D (đã chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H theo hồ sơ chuyển nhượng số 66/2017).

- Thửa đất số 25, 31 thuộc tờ bản đồ số 44 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CD 594122 ngày 26/9/2016 cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H.

- Thửa đất số 133 thuộc tờ bản đồ số 59 tại thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 667107 ngày 10/11/2015 cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H đã trả được 200.000.000 đồng tiền gốc và 83.877.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi định kỳ và không trả nợ gốc còn lại cho Ngân hàng. Vì vậy, ngày 27/12/2020 Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Gia Lai đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải tiếp tục trả số tiền còn nợ của khoản vay trên, cụ thể như sau:

- Tiền nợ của hợp đồng tín dụng, gồm: Nợ gốc là 760.000.000 đồng; lãi trong hạn là 16.568.958 đồng; lãi quá hạn là 132.906.079 đồng; lãi chậm trả là 2.045.664 đồng.

- Tiền nợ thẻ tín dụng, gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; lãi trong hạn là 15.385.064 đồng; lãi quá hạn là 7.692.502 đồng; phí thẻ tín dụng là 8.581.650 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải trả cho Ngân hàng là 993.179.917 đồng.

Bị đơn phải tiếp tục trả lãi chậm trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

2. *Ý kiến trình bày của bị đơn:* Bà Trần Thị Minh H trình bày, bà đã giao lại các Văn bản tố tụng do tòa án tổng đạt cho chồng bà là ông Hoàng Vương B nhưng ông B đang hành nghề lái xe, không có mặt ở nhà nên không đến tham dự phiên tòa. Đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Minh H xác nhận có vay tiền theo hợp đồng tín dụng, có thế chấp tài sản và được phát hành thẻ tín dụng hạn

mức tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, hiện nay còn nợ lại số tiền như đại diện của Ngân hàng trình bày. Vì điều kiện kinh tế gia đình hiện tại khó khăn nên Bà H và ông B không thanh toán được nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Bà H đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn là bà Trần Thị Minh H chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với ông Hoàng Vương B vắng mặt nhiều lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông Hoàng Vương B.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ thể hiện, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc khi đến hạn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, đúng căn cứ được quy định của Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn T, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đối với ông Hoàng Vương B vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Các đương sự khác còn lại đều có mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Hoàng Vương B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời trình bày, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn là bà Trần Thị Minh H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại “*Hợp đồng tín dụng số LD1901500330 ngày 15-01-2019*”; *Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1901500330-01 ngày 16-01-2020*; *Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1901500330-02 ngày 01-3-2021*; “*Giấy nhận nợ số LD2002100407 ngày 21/01/2020*” thể hiện, ngày 21/01/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Gia Lai đã giải ngân cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H toàn bộ số tiền vay 960.000.000 đồng, có thể chấp tài sản nhằm bảo đảm khoản vay. Bên vay đồng ý với thỏa thuận về việc cam kết trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc vào cuối kỳ là ngày 21/01/2021. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông B và bà H chỉ trả được số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 83.877.000 đồng. Ngoài ra, ông B và bà H không tiếp tục trả lãi và nợ gốc khi đến hạn cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong hoạt động cấp tín dụng.

Ngoài ra, theo “*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng*” ngày 27/11/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Gia Lai đã cấp tín dụng cho bà Trần Thị Minh H dưới hình thức thẻ tín dụng nội địa với số tiền 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Trần Thị Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 18, 19 và 24 của “*Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng tín dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S*” nên Ngân hàng có quyền khởi kiện để yêu cầu thanh toán nợ. Mặc dù tại “*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng*” ngày 27/11/2015 chỉ thể hiện chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính là bà Trần Thị Minh H, tuy nhiên đây là khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn

nhân của bà H và ông B. Ngoài ra, tại phiên tòa bà H trình bày, số tiền này do bà H và ông B cùng sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cùng lãi vay theo hợp đồng tín dụng và tiền nợ từ việc cấp tín dụng phát hành thẻ cá nhân là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 275, 280 và 351 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Buộc ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, cụ thể như sau:

- Tiền vay của hợp đồng tín dụng, gồm: Nợ gốc là 760.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 16.568.958 đồng; Lãi quá hạn là 132.906.079 đồng; Lãi chậm trả là 2.045.664 đồng.

- Tiền nợ của thẻ tín dụng, gồm: Tiền gốc là 50.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 15.385.064 đồng; Lãi quá hạn là 7.692.502 đồng; Phí thẻ tín dụng là 8.581.650 đồng.

Tổng cộng, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 993.179.917 đồng.

[5] Ngoài ra, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi chậm trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 25/2019/CN-GL ngày 17/01/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: LD1901500330-01 ngày 16/01/2020; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: LD1901500330-02 ngày 01/3/2021, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản, gồm:

- Thửa đất số 126, 138 thuộc tờ bản đồ số 33 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số U 680872 ngày 18/01/2002 cho ông Hoàng Minh T và bà Trần Thị D (đã chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H theo hồ sơ chuyển nhượng số 66/2017).

- Thửa đất số 268 thuộc tờ bản đồ số 33 tại làng O, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 208339 ngày 13/5/2013 cho ông Hoàng Minh T và bà Trần Thị D (đã chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H theo hồ sơ chuyển nhượng số 66/2017).

- Thửa đất số 25, 31 thuộc tờ bản đồ số 44 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 594122 ngày 26/9/2016 cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H.

- Thửa đất số 133 thuộc tờ bản đồ số 59 tại thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 667107 ngày 10/11/2015 cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H.

Xét khi giao kết hợp thế chấp, các bên đều đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao dịch; ý chí điều tự nguyện, không bị ép buộc; mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng đã được công chứng nên có hiệu lực. Việc thế chấp tài sản được các bên đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định, toàn bộ các quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của bên thế chấp, không phát sinh tranh chấp với người khác. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản đã nhận thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải hoàn trả cho

nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 5.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 41.795.397 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vay theo hợp đồng tín dụng, gồm: Nợ gốc là 760.000.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi triệu đồng*); Lãi trong hạn là 16.568.958 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm năm mươi tám đồng*); Lãi quá hạn là 132.906.079 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu chín trăm lẻ sáu ngàn không trăm bảy mươi chín đồng*); Lãi chậm trả là 2.045.664 đồng (*Hai triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*).

Buộc ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ của thẻ tín dụng, gồm: Tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); Lãi trong hạn là 15.385.064 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi bốn đồng*); Lãi quá hạn là 7.692.502

đồng (*Bảy triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm lẻ hai đồng*); Phí thẻ tín dụng là 8.581.650 đồng (*Tám triệu năm trăm tám mươi một ngàn sáu trăm năm mươi đồng*).

Tổng cộng, ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 993.179.917 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H không trả được các khoản nợ của hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 126 và 138 thuộc tờ bản đồ số 33 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 680872 ngày 18/01/2002 cho ông Hoàng Minh T và bà Trần Thị D; đăng ký biến động về việc chuyển nhượng cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H theo hồ sơ chuyển nhượng số 66/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 268 thuộc tờ bản đồ số 33 tại làng O, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 208339 ngày 13/5/2013 cho ông Hoàng Minh T và bà Trần Thị D; đăng ký biến động về việc chuyển nhượng cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H theo hồ sơ chuyển nhượng số 66/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 25 và 31 thuộc tờ bản đồ số 44 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 594122 ngày 26/9/2016 cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 133 thuộc tờ bản đồ số 59 tại thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia

Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 667107 ngày 10/11/2015 cho ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải trả lại cho của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Vương B và bà Trần Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.795.397 đồng (*Bốn mươi một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.290.058 đồng (*Mười chín triệu hai trăm chín mươi ngàn không trăm tám mươi lăm đồng*). Theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0012133, ngày 05/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn là bà Trần Thị Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/3/2022). Bị đơn là ông Hoàng Vương B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vũ